

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - ĐỊA LÍ 11

A. LÝ THUYẾT

Bài 10. LIÊN MINH CHÂU ÂU

I. QUY MÔ, MỤC TIÊU VÀ THỂ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA EU

2. Mục tiêu

- Thúc đẩy tự do lưu thông giữa các nước thành viên nhằm hướng đến xây dựng một thị trường thống nhất.
- Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các quốc gia thành viên về mọi mặt.
- Duy trì, phát huy giá trị văn hóa và đảm bảo phúc lợi của công dân các nước thành viên.
- Duy trì hòa bình và đảm bảo an ninh cho các quốc gia thành viên và thế giới.

3. Thể chế hoạt động của EU

- Các cơ quan đầu não quyết định các vấn đề quan trọng cả về kinh tế, chính trị của các quốc gia thành viên EU:
 - + Hội Đồng Châu Âu: là cơ quan có quyền lực cao nhất.
 - + Nghị viện Châu Âu: là cơ quan làm luật, đại diện cho công dân EU.
 - + Ủy ban liên minh Châu Âu: là cơ quan điều hành luật, đại diện cho lợi ích chung của EU.
 - + Hội đồng Bộ trưởng EU: đại diện cho các Chính phủ và là nơi để thảo luận về các dự thảo luật.
 - + Tòa án kiểm toán châu Âu.
 - + Tòa án công lý EU.
 - + Ngân hàng trung ương châu Âu.

II. VỊ THẾ CỦA EU TRONG NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.

Thành công: EU đã tạo ra một thị trường chung, đảm bảo tự do lưu thông hàng hóa, con người, dịch vụ, tiền vốn của các thành viên và sử dụng đồng tiền chung Ô-rô (EU) → giúp EU phát triển kinh tế nhanh chóng, trở thành:

- + 1 trong 3 trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới (sau Hoa Kỳ, Trung Quốc).
- + Đứng đầu thế giới về tỉ trọng trị giá xuất khẩu.
- + Chiếm 21,3% sản lượng ô tô của thế giới.
- + Đứng đầu ở các lĩnh vực hàng không vũ trụ, điện tử - tin học, hóa chất.
- + Ba nền kinh tế lớn nhất EU là CHLB Đức, Pháp và Italia thuộc nhóm 7 quốc gia có nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới.

2. Tổ chức thương mại hàng đầu thế giới

Thành công: EU đã tập trung loại bỏ các rào cản thuế quan, thực hiện thị trường chung thống nhất giữa các thành viên → EU dẫn đầu thế giới về hoạt động thương mại.

Hạn chế: thực hiện nhiều chính sách tăng cường phòng vệ thương mại như trợ giá cho hàng nông sản, đặt ra mức phạt thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu vào EU có giá thấp hơn so với mức giá ở nước xuất khẩu.

III. HỢP TÁC VÀ LIÊN KẾT TRONG EU

1. Thị trường chung châu Âu:

Thiết lập năm 1993 với 2 nội dung quan trọng:

a) Tự do lưu thông

Được thực hiện ở 4 mặt bao gồm: tự do di chuyển, tự do lưu thông dịch vụ, tự do lưu thông hàng hóa và tự do lưu thông tiền vốn.

Ý nghĩa:

- Xóa bỏ những trở ngại trong phát triển kinh tế.
- Thực hiện chung một chính sách thương mại với các nước ngoài EU
- Tăng cường sức mạnh kinh tế và khả năng cạnh tranh của EU.

b) Đồng tiền chung châu Âu (Ơ-rô)

- Đồng tiền chung chính thức lưu hành từ năm 1999 và đến năm 2022 có 19 quốc gia thành viên sử dụng và là đồng tiền có ảnh hưởng quan trọng đối với thế giới.

Ý nghĩa:

- Nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung.
- Xóa bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.
- Tạo thuận lợi cho việc sản xuất, kinh doanh.

Bài 12: KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

I. Lãnh thổ và vị trí địa lý

- Đông Nam Á gồm 11 quốc gia.
- Diện tích: 4,5 triệu km².
- Bao gồm: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.
- Phần lớn nằm trong khu vực nội chí tuyến của 2 bán cầu.
- Nằm trong khu vực khí hậu gió mùa châu Á.
- Là cầu nối giữa 2 đại dương (Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương) và 2 lục địa (Á-Âu và Ô-xtrây-li-a).
- Có các tuyến đường biển quốc tế quan trọng đi qua.
- Nơi giao thoa của các nền văn hóa lớn trên thế giới.

Ảnh hưởng:

+ Thuận lợi: Giao lưu phát triển kinh tế, phát triển tổng hợp kinh tế biển, nằm trong vùng nội chí tuyến thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt, góp phần tạo nên sự năng động về kinh tế, đa dạng về văn hóa, xã hội của khu vực.

+ Khó khăn: Thiên tai: bão, lũ, hạn hán, động đất, núi lửa,... Là nơi cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc.

I. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1. Địa hình và đất đai

- Địa hình đa dạng: đồi núi, đồng bằng, bờ biển,...
- Đông Nam Á lục địa bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi, xen kẽ là các cao nguyên.
- Đông Nam Á hải đảo: nhiều đảo, quần đảo, núi lửa
- Đồng bằng gồm đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển.
- Địa hình bờ biển đa dạng: Vịnh, cồn cát, đầm lầy, bãi biển,...
- Đất:
 - + Đất phù sa ở đồng bằng: phát triển nông nghiệp (lúa), tuy nhiên dễ ngập lụt, xâm nhập mặn.
 - + Đất ferarit ở đồi núi: trồng cây công nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi,... tuy nhiên dễ xói mòn, sạt lở.

2. Khí hậu

- Phân hóa đa dạng:

- + Đông Nam Á lục địa: Nhiệt đới gió mùa có sự phân hóa theo mùa và theo độ cao.
- + Đông Nam Á hải đảo: Nhiệt đới gió mùa, khí hậu cận xích đạo và xích đạo.
- Thuận lợi: phát triển nông nghiệp nhiệt đới.
- Khó khăn: Thiên tai.

II. Dân cư và xã hội

1. Dân cư

- Quy mô dân số lớn, chiếm trên 8 % dân số TG → thị trường tiêu thụ lớn.
- Tỷ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm nhưng dân số vẫn tăng.
- Cơ cấu dân số: trẻ nhưng đang có xu hướng già hóa → nguồn lao động dồi dào, nhưng thách thức về giải quyết việc làm, an sinh xã hội,...
- Mật độ dân số: cao (148 người/km²-2020),
- Phân bố dân cư: không đều, chưa hợp lý → ảnh hưởng đến sử dụng lao động và khai thác tài nguyên.
 - + Đông: đồng bằng, ven biển.
 - + Thưa: miền núi.
- Nhiều dân tộc sinh sống → đa dạng về văn hóa, truyền thống.
- Đô thị: tỷ lệ dân thành thị tăng, hình thành các siêu đô thị (Ma-ni-la; Jarkata; Băng Cốc,...) → sức ép về giao thông, việc làm, nhà ở, môi trường.

2. Xã hội

- Lịch sử phát triển lâu đời, nơi giao thoa của các nền văn hóa. → Đa dạng văn hóa, phát triển du lịch.
- Chất lượng cuộc sống, giáo dục: ngày càng cải thiện. → Nguồn lực để phát triển KT-XH và thu hút đầu tư. Tuy nhiên cần nỗ lực để giảm khoảng cách trong phát triển giữa các quốc gia.
- Các quốc gia có nhiều nét tương đồng → thuận lợi để các quốc gia hợp tác cùng phát triển.

III. Kinh tế

1. Tình hình phát triển chung:

- Hiện nay, Đông Nam Á là một trong những khu vực có nền kinh tế sôi động trên thế giới.
- Về quy mô GDP:
 - + GDP có xu hướng gia tăng trong giai đoạn 2000 - 2020.
 - + Có sự chênh lệch lớn về quy mô nền kinh tế giữa các nước do sự khác nhau về nguồn lực và trình độ phát triển.
- Về tăng trưởng kinh tế:
 - + Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thuộc loại cao trên thế giới (5,3% trong giai đoạn 2000 – 2020).
 - + Sự tăng trưởng kinh tế gắn với ổn định xã hội và bảo vệ môi trường đang là vấn đề đặt ra đối với nhiều nước trong khu vực.
- Về cơ cấu kinh tế
 - + Đang có sự chuyển dịch rõ rệt: từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.
 - + Tuy nhiên, tỉ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của Đông Nam Á vẫn còn cao hơn so với các khu vực khác, do Đông Nam Á có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

II KỸ NĂNG.

1. Tính cán cân xuất nhập khẩu, bình quân chi tiêu của khách du lịch.
2. Vẽ và nhận xét biểu đồ cột

Câu 1: Cho bảng số liệu sau:

TRỊ GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2015	2018	2019	2020
Sắt, thép	7 491,7	9 901,6	9 506,2	8 067,0
Than đá	547,5	2 555,0	3 788,8	3 777,7

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện trị giá một số mặt hàng nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2015 - 2020. Rút ra nhận xét cần thiết

Câu 2: Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2017	2019	2020
Thái Lan	31616,9	31857,2	28618,0	29811,2
Việt Nam	45215,7	42763,7	42301,1	43346,6

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng lúa của Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2015 -2020. Rút ra nhận xét cần thiết

Câu 270: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA BRU-NÂU, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Đơn vị: tỷ USD)

Năm	2015	2017	2019	2020	2021
Xuất khẩu	6,4	5,6	7	6,6	11,5
Nhập khẩu	3,2	3,1	5,1	5,3	7,2

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của Brunay giai đoạn 2015 - 2021. Rút ra nhận xét cần thiết

TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÍ 11.

Câu 1: Khu vực Mỹ Latinh gồm

- A. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
- B. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
- C. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, quần đảo Ăng-ti, kênh đào Xuy-ê.
- D. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, kênh đào Xuy-ê và kênh Pa-na-ma.

Câu 2. Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về vị trí địa lí và lãnh thổ khu vực Mỹ La Tinh

- A. Nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.
- B. Trải dài trên nhiều vĩ độ.
- C. Không có đường Xích đạo đi qua.
- D. Tách biệt với các khu vực khác.

Câu 3. Năm 2020, khu vực Mỹ Latinh đóng góp khoảng

A. 6% vào GDP của thế giới.

C. 5% vào GDP của thế giới.

B. 8% vào GDP của thế giới.

D. 7% vào GDP của thế giới.

Câu 4: Nhận định nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân cư, xã hội của Mỹ Latinh?

A. Số dân sống dưới mức nghèo khổ đông.

C. Đô thị hóa tự phát diễn ra khá phổ biến.

B. Chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.

D. Đa dân tộc, tỉ lệ dân theo đạo Hồi cao.

Câu 5: Đặc điểm nổi bật trong cơ cấu GDP khu vực Mỹ La Tinh là

A. Ngành công nghiệp, xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất nhưng có xu hướng giảm

B. Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỉ trọng thấp nhất, có xu hướng giảm.

C. Tỉ trọng của thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm có xu hướng tăng.

D. Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất, có xu hướng tăng.

Câu 6: Khoáng sản ở khu vực Mỹ Latinh tập trung chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

A. Vùng núi An-đét và phía tây nam sơn nguyên Guy-a-na.

B. Vùng núi An-đét và phía bắc nam sơn nguyên Mê-hi-cô.

C. Vùng núi An-đét và phía đông nam sơn nguyên Bra-xin.

D. Khu vực Trung Mỹ và ở phía nam sơn nguyên Guy-a-na.

Câu 7: Thiên nhiên An-đét đa dạng chủ yếu do

A. dãy núi kéo dài nhiều vĩ độ, có sự phân chia hai sườn rõ rệt.

B. dãy núi kéo dài, có độ cao lớn và phân chia ở hai sườn rõ rệt.

C. dãy núi trẻ cao, đồ sộ, có địa hình thung lũng và cao nguyên.

D. dãy núi trẻ, kéo dài theo bắc - nam, phân chia hai sườn rõ rệt.

Câu 8: Liên minh châu Âu (EU) chính thức ra đời từ năm

A. 1951.

B. 1957.

C. 1967.

D. 1993.

Câu 9: Tổng số các nước thành viên của EU hiện nay (2020) là

A. 25.

B. 26.

C. 27.

D. 28.

Câu 10: Các nước nào sau đây là thành viên của EU từ năm 1957?

A. Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Áo, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

B. Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

C. Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Ba Lan, Lúc-xăm-bua.

D. Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Na Uy, Lúc-xăm-bua.

Câu 11: Mục đích của EU là

A. cùng nhau thúc đẩy phát triển sự thống nhất châu Âu.

B. ngăn chặn nguy cơ xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo.

C. cùng nhau hạn chế các dòng nhập cư trái phép xảy ra.

D. bảo vệ an ninh, phòng chống nguy cơ biến đổi khí hậu.

Câu 12: Mục tiêu của EU là

A. tạo ra môi trường cho sự tự do lưu thông con người, dịch vụ, hàng hóa, tiền tệ.

B. xây dựng, phát triển một khu vực có sự hòa hợp về kinh tế, chính trị và xã hội.

C. cùng liên kết về kinh tế, luật pháp, an ninh và đối ngoại, môi trường, giáo dục.

D. góp phần vào việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới, chống biến đổi khí hậu.

Câu 13: Cơ quan có quyền quyết định cao nhất ở EU là

A. Hội đồng bộ trưởng châu Âu.

B. Ủy ban châu Âu.

C. Nghị viện châu Âu.

D. Hội đồng châu Âu.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thị trường chung châu Âu?

A. Quyền tự do đi lại, cư trú, chọn nghề của mọi công dân được đảm bảo.

B. Các hạn chế đối với giao dịch thanh toán ngày càng được tăng cường.

C. Các nước có chính sách thương mại chung buôn bán với ngoài khối.

D. Sản phẩm mỗi nước được tự do buôn bán trong toàn thị trường chung.

Câu 15: Tự do di chuyển bao gồm tự do

A. cư trú và dịch vụ kiểm toán.

B. đi lại, cư trú, dịch vụ vận tải.

C. cư trú, lựa chọn nơi làm việc.

D. đi lại, dịch vụ thông tin liên lạc.

Câu 16: Tự do lưu thông hàng hóa là

A. tự do đi lại, cư trú, lựa chọn nơi làm việc.

C. Bãi bỏ các hạn chế đối với giao dịch thanh toán.

B. tự do đối với các dịch vụ vận tải, du lịch.

D. Hàng hóa các nước không thuế giá trị gia tăng.

Câu 17: Tự do lưu thông tiền vốn trong EU **không** phải là việc

- A. bãi bỏ các rào cản đối với giao dịch thanh toán.
- B. các nhà đầu tư có thể chọn nơi đầu tư lợi nhất.
- C. nhà đầu tư mở tài khoản tại các nước EU khác.
- D. bỏ thuế giá trị gia tăng hàng hóa của mỗi nước.

Câu 18: Ý nghĩa của thị trường chung EU **không** phải là

- A. kích thích cạnh tranh và thương mại.
- B. nâng cao chất lượng và hạ giá thành.
- C. góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- D. tạo mức sống của người dân đồng đều.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đồng tiền chung (đồng ơ-rô) của EU?

- A. Có vị trí cao trong giao dịch quốc tế.
- B. Đồng tiền dự trữ chính thức quốc tế.
- C. Tác động đến tiền tệ các nước khác.
- D. Tất cả thành viên EU đã dùng chung.

Câu 20: Đồng tiền chung của châu Âu (đồng ơ-rô) được chính thức đưa vào giao dịch thanh toán từ năm nào?

- A. 1997.
- B. 1998.
- C. 1999.
- D. 2000.

Câu 21: EU đứng đầu thế giới về tỉ trọng trong

- A. viện trợ phát triển thế giới.
- B. sản xuất ô tô thế giới,
- C. xuất khẩu của thế giới.
- D. tiêu thụ năng lượng thế giới.

Câu 22: Phần lớn lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á nằm trong

- A. khu vực xích đạo.
- B. vùng nội chí tuyến.
- C. khu vực gió mùa.
- D. phạm vi bán cầu Bắc.

Câu 23: Khu vực Đông Nam Á không nằm ở vị trí cầu nối giữa

- A. lục địa Á-Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a.
- B. Ô-xtrây-li-a với các nước Đông Á.
- C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
- D. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

Câu 24: Về tự nhiên, có thể xem Đông Nam Á gồm hai bộ phận.

- A. lục địa và biển đảo.
- B. đảo và quần đảo.
- C. lục địa và biển.
- D. biển và các đảo.

Câu 25: Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa là có

- A. nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam.
- B. nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.
- C. đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa.
- D. khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

Câu 26: Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á biển đảo là có

- A. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.
- B. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.
- C. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.
- D. nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, nhỏ.

Câu 27: Phần lớn Đông Nam Á lục địa có khí hậu

- A. cận xích đạo.
- B. cận nhiệt đới.
- C. ôn đới lục địa.
- D. nhiệt đới gió mùa.

Câu 28: Điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp ở Đông Nam Á **không** phải chủ yếu là

- A. khí hậu nóng ẩm.
- B. đất trồng đa dạng,
- C. sông ngòi dày đặc.
- D. địa hình nhiều núi.

Câu 29: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Đông Nam Á?

- A. Các nước trong khu vực (trừ Lào) đều giáp biển.
- B. Nằm trong vành đai sinh khoáng lớn của Trái Đất.
- C. Có diện tích rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm lớn.
- D. Ít chịu các thiên tai như động đất, sóng thần.

Câu 30: Dân số Đông Nam Á hiện nay có đặc điểm là

- A. quy mô lớn, gia tăng có xu hướng giảm.
- B. tỉ suất gia tăng tự nhiên ngày càng tăng.
- C. dân số đông, người già trong dân số nhiều.
- D. tỉ lệ người di cư đến hàng năm rất lớn.

Câu 31: Ở nhiều nước Đông Nam Á, việc làm là một vấn đề còn gay gắt, nguyên nhân chủ yếu do

- A. quy mô dân số lớn, kinh tế còn phát triển chưa cao.
- B. kinh tế chậm phát triển, gia tăng tự nhiên còn cao.
- C. gia tăng dân số cao, giáo dục đào tạo còn hạn chế.
- D. giáo dục đào tạo còn hạn chế, người lao động nhiều.

Câu 32: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Đông Nam Á hiện nay?

- A. Nguồn lao động dồi dào và tăng hàng năm.
- B. Lao động có tay nghề có số lượng hạn chế.
- C. Tỉ lệ người lao động có trình độ cao còn nhỏ.
- D. Vấn đề thiếu việc làm đã được giải quyết tốt.

Câu 33: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với xã hội của Đông Nam Á?

- A. Các quốc gia đều có nhiều dân tộc.
- B. Một số dân tộc ít người phân bố rộng.
- C. Có nhiều tôn giáo lớn cùng hoạt động.
- D. Văn hóa các nước rất khác biệt nhau.

Câu 34: Một trong những yếu tố gây khó khăn chủ yếu về quản lí, ổn định chính trị, xã hội ở một số nước Đông Nam Á là

- A. một số dân tộc ít người phân bố rộng, không theo biên giới quốc gia.
- B. có nhiều tôn giáo khác nhau trong nước cùng tồn tại lâu đời với nhau.
- C. có nhiều giá trị văn hóa khác nhau cùng tồn tại và phát triển cùng nhau.
- D. phong tục, tập quán, sinh hoạt của người dân có nhiều nét tương đồng.

Câu 35: Cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á đang có sự thay đổi theo xu hướng nào dưới đây?

- A. Tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III.
- B. Tăng tỉ trọng khu vực II, giảm tỉ trọng khu vực I và III.
- C. Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực III và II.
- D. Giảm tỉ trọng khu vực I và II, giảm tỉ trọng khu vực III.

Câu 36: Một trong những hướng phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. chú trọng phát triển sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu nội địa.
- B. phát triển các ngành công nghiệp hàm lượng khoa học kĩ thuật cao.
- C. phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi vốn lớn, công nghệ hiện đại.
- D. ưu tiên phát triển các ngành truyền thống và các làng nghề cổ truyền.

Câu 37: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với ngành chăn nuôi ở Đông Nam Á?

- A. Chăn nuôi đã trở thành ngành chính.
- B. Số lượng gia súc lớn, xu hướng tăng.
- C. Là khu vực nuôi nhiều trâu bò và lợn.
- D. Đánh bắt thủy hải sản khá phát triển.

Câu 38: Mục tiêu tổng quát của ASEAN là

- A. đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển.
- B. phát triển kinh tế, giáo dục và tiến bộ xã hội của các quốc gia thành viên.
- C. xây dựng ASEAN thành khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất.
- D. giải quyết sự khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ từng nước.

Câu 39: Cơ chế hợp tác về phát triển kinh tế trong khối ASEAN **không** phải là

- A. thông qua các diễn đàn, hội nghị.
- B. thông qua các hiệp ước, hiệp định.
- C. thông qua các dự án, chương trình.
- D. các chuyến thăm nguyên thủ quốc gia.

Câu 40: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ASEAN?

- A. Thành lập năm 1967 tại Băng Cốc.
- B. Số lượng thành viên ngày càng tăng.
- C. Hiện nay, Đông Timo chưa gia nhập.
- D. Xin-ga-po là nước lãnh đạo ASEAN.

Câu 41: Vấn đề nào sau đây **không** còn là thách thức đối với các nước ASEAN hiện nay?

- A. Thất nghiệp, thiếu việc làm.
- B. Thiếu đói nặng lương thực.
- C. Khai thác tài nguyên tự nhiên.
- D. Chênh lệch lớn giàu nghèo.

Câu 42: Vai trò ngày càng tích cực của Việt Nam trong ASEAN **không** thể hiện chủ yếu ở việc

- A. tích cực tham gia vào các hoạt động trong tất cả các lĩnh vực.
- B. đóng góp nhiều sáng kiến đề củng cố, nâng cao vị thế ASEAN.
- C. tỉ lệ giao dịch thương mại quốc tế với ASEAN tương đối lớn.
- D. thu hút nhiều khách du lịch và vốn đầu tư từ các nước ASEAN.

Câu 43: Đối với ASEAN, việc xây dựng “Khu vực thương mại tự do ASEAN” (AFTA) là việc làm thuộc lĩnh vực nào sau đây?

- A. Mục tiêu hợp tác.
- B. Cơ chế hợp tác.
- C. Thành tựu hợp tác.
- D. Hạn chế hợp tác.

Câu 44: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của Tây Nam Á?

- A. Nằm ở ngã ba châu Âu, châu Á và Phi.
- B. Ấn ngữ đường biển quốc tế quan trọng.
- C. Là nơi có sự tranh chấp giữa các thế lực.
- D. Hạn chế nhiều đến các giao lưu kinh tế.

Câu 45: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về tự nhiên Tây Nam Á?

A. Khu vực nhiều núi và cao nguyên.

C. Khí hậu mang tính lục địa sâu sắc.

Câu 46: Loại khoáng sản có trữ lượng lớn ở Tây Nam Á là

A. quặng sắt và crôm.

C. atimovan và đồng.

Câu 47: Khó khăn lớn cho người dân Tây Nam Á **không** phải là

A. địa hình phổ biến là núi và cao nguyên.

C. sự hoang mạc hóa ngày càng mở rộng.

Câu 48: Các sông có ý nghĩa ở Tây Nam Á là

A. Ti-grơ và O-phrát.

C. Ti-grơ và A-ma-dôn.

Câu 49. Năm 2020, khu vực Đông Nam Á có trị giá xuất khẩu là 769,2 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 698,9 tỉ USD, cán cân xuất nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á là:

A. 70,3 tỉ USD

B. -70,3 tỉ USD

C. 70,3 USD

D. -70,3 USD

Câu 50. Năm 2019, khu vực Đông Nam Á có doanh thu du lịch là 147,6 tỉ USD, số lượt khách du lịch quốc tế đến là 138,5 triệu lượt người, Vậy chi tiêu bình quân của khách du lịch quốc tế đến là

A. 1065 USD

B. 1,065 USD

C. 0,938 USD

D. 1,065 tỉ USD

ĐỀ THI CÓ CÂU HỎI THÔNG HIỂU, VẬN DỤNG NẪM TRONG SỐ CÁC BÀI HỌC SINH ĐÃ ĐƯỢC HỌC. CÁC BÀI TẬP KỸ NĂNG TRONG ĐỀ CƯƠNG CHỈ MANG TÍNH CHẤT THAM KHẢO, LUYỆN TẬP.